TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13/5/2025
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hòe

2. Ông Phạm Xuân Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Văn B, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Hoàng Thị C (nguyên đơn) trình bày: Chị Hoàng Thị C và anh Triệu Văn B kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 05/05/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân của chị C và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vơ chồng chị C, anh B bất đồng quan điểm, lối sống, tính

cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan T đến nhau nữa, việc ai người đó làm, không quan T đến gia đình. Vợ chồng chị C và anh B cũng sống ly thân (không chung sống cùng nhà với nhau) từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống chung, chị C và anh B có 02 con chung: Cháu Triệu Thanh Q, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Triệu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 20/6/2011; Hiện cả cháu Q và cháu T đang ở với chị C tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Vợ chồng chị C và anh B không có tài sản chung gì hết, cũng không nợ ai cả. Quan điểm, nguyện vọng của chị C về giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C xin được ly hôn với anh Triệu Văn B

Về nuôi con chung: Chị C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Thanh Q, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Triệu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 20/6/2011 cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với anh Triệu Văn B (bị đơn):* Tại biên bản lấy lời khai, anh B đã trình bày: Anh Triệu Văn B và chị Hoàng Thị C kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 05/05/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân của chị C và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn; vơ chồng chị C, anh B có bất đồng quan điểm, lối sống, có cãi nhau nhưng anh B cho rằng vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được. Vợ chồng chị C và anh B đã sống ly thân (không chung sống cùng nhà với nhau) từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống chung, chị C và anh B có 02 con chung: Cháu Triệu Thanh Q, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Triệu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 20/6/2011; Hiện cả cháu Q và cháu T đang ở với chị C tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Vợ chồng chị C và anh B không có tài sản chung gì hết, cũng không nợ ai cả. Quan điểm, nguyện vọng của anh B về giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B không đồng ý ly hôn với chị C với lý do các con đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ và sẽ bỏ qua các lỗi lầm của chị C để vợ chồng tiếp tục về chung sống với nhau.

Về nuôi con chung: Trường hợp mà vợ chồng phải ly hôn thì anh B muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu nhưng anh B tôn trọng nguyện vọng của các con nếu các con muốn ở với ai thì người đó sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải và phiên tòa đối với anh Triệu Văn B, mặc dù đã biết được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt nhưng anh Triệu Văn B vẫn vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập, thông báo và xét xử nên không có lời trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định và đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn, nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Triệu Văn B.

Về nuôi con chung: Giao cháu Triệu Thanh Q, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Triệu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 20/6/2011 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Triệu Văn B và xin được nuôi con chung, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Triệu Văn B) có đăng ký thường trú và sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với anh Triệu Văn B (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt Q định đưa vụ án ra xét xử, Q định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt mà không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C và anh Triệu Văn B kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh B là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan T đến nhau, việc ai người đó làm, không quan T đến gia đình. Vợ chồng chị C và anh B cũng sống ly thân (không chung sống cùng nhà với nhau) từ năm 2021. Chị C thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh B, không muốn tiếp tục chung sống với anh B và muốn ly hôn để ổn định cuộc sống; mâu thuẫn phát sinh từ lâu, vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; chị C và anh B không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của chị C và anh B thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị C đối với anh Triệu Văn B.

[5]2.2. Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thanh Q, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Triệu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 20/6/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Hiện cháu Triệu Thanh Q và cháu Triệu Hoàng Ngọc T đã trên 7 tuổi; qua ý kiến của các cháu thì cháu Q và cháu T đều có nguyện vọng được ở với chị C và hiện các cháu cũng đang ở cùng với chị C, do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị C đủ điều kiện để chăm sóc các con (có chỗ ở và có thu nhập). Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Triệu Thanh Q và cháu Triệu Hoàng Ngọc T cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

[6]2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] 2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008657 ngày 06/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C đối với anh Triệu Văn B về việc ly hôn, nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Triệu Văn B (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Triệu Thanh Q, sinh ngày 12/9/2009 và cháu Triệu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 20/6/2011 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008657 ngày 06/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng